

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2024

"Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kế và bà Đào Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Phố ĐH, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên "có đơn xét xử vắng mặt"

Bị đơn: Anh Bò Xuân D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phố ĐH, thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. "vắng mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Bò Quang H, sinh ngày 01/10/2011

Người đại diện hợp pháp cho cháu H là anh Bò Xuân D, chị Bùi Thị L - Bố, mẹ đẻ cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Bò Xuân D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 10/11/2010 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hôn nhân của anh chị hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau về tình cảm nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không được. Chị và anh D đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay, kinh tế hoàn toàn độc lập và không ai còn quan tâm tới ai. Anh D đã biết việc chị làm đơn ly hôn với anh nhưng vẫn cố tình không lên Tòa án

làm việc, gây khó khăn cho chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Bò Quang H, sinh ngày 01/10/2011. Ly hôn chị đồng ý để anh D nuôi cháu H do cháu có nguyện vọng ở cùng với bố và ông bà nội. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh D mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thành niên.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Bò Xuân D đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do.

Cháu Bò Quang H có nguyện vọng xin được ở cùng với bố khi bố mẹ ly hôn, do cháu hiện đang ở với bố và ông bà nội.

Người làm chứng bà Vũ Thị S là mẹ đẻ của anh Bò Xuân D cũng như bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của chị L đều xác định: Anh D và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào năm 2010. Hôn nhân của anh chị hạnh phúc sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không còn tin tưởng nhau về tình cảm nên đến năm 2013 vợ chồng đã không còn chung sống cùng với nhau. Vợ chồng chị L anh D có một con chung là cháu Bò Quang H hiện đang ở cùng với ông bà nội. Ngoài ra, bà S cho biết việc chị L làm đơn ly hôn anh D biết nhưng có quan điểm không lên Tòa án làm việc. Toàn bộ các giấy tờ, văn bản do Tòa án gửi về gia đình bà đã nhận thay và trực tiếp thông báo cho anh D được biết. Theo bà, trước việc chị L làm đơn ly hôn quan điểm của anh D hoàn toàn đồng ý và có nguyện vọng được nuôi cháu H khi vợ chồng ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bò Xuân D. Về con chung: Giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bò Quang H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chị Dương tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh D mỗi tháng là 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu H thành niên. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Sau này nếu anh D có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác; Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bò Xuân D có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Anh D đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Bò Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 10/11/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau về tình cảm nên thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được gia đình khuyên bảo nhưng không được. Mặt khác sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh D lên để lấy lời khai, xác định mâu thuẫn vợ chồng và hoà giải cho anh chị về đoàn tụ gia đình nhưng anh D vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để đưa ra những biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều này thể hiện anh D không có thiện chí đoàn tụ và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong khi chị L vẫn kiên quyết giữ quan điểm xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh D đã trầm trọng, anh chị đã không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Bò Quang H, sinh ngày 01/10/2011. Hiện tại cháu H đang ở cùng với anh D và ông bà nội nên chị L đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Chị L tự nguyện cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên.

[4]. Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu anh D có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6]. Các vấn đề khác: Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện Tiên Lữ tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81 và 88 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bò Xuân D.

Về con chung: Giao anh Bò Xuân D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bò Quang H, sinh ngày 01/10/2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Chị L cấp dưỡng nuôi con với anh D mỗi tháng 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thành niên. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ nần: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu anh D có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000555 ngày 20/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp anh Bò Xuân D có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Bùi Thị L không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKS huyện Tiên Lữ
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ
- UBND thị trấn V (Đăng ký kết hôn số 43 ngày 10/11/2010)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang